

PHỤ LỤC IV
TỔNG HỢP CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH SỬA ĐỔI LUẬT THỦ ĐÔ
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND Thành phố)

Tổng hợp: Đề xuất 4 nhóm nội dung với 31 cơ chế, chính sách cụ thể (trong đó có 12 nhóm cơ chế, chính sách được kế thừa, bổ sung nội dung của Luật Thủ đô, 19 nhóm cơ chế, chính sách được bổ sung mới)

Nhóm nội dung	Cơ chế, chính sách cụ thể
Nhóm 1: Vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Thủ đô	1. Khẳng định Thủ đô là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, nơi đặt trụ sở của các cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế; là trung tâm lớn về kinh tế; dẫn đầu cả nước, vươn tầm khu vực và quốc tế về văn hoá, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, giáo dục, y tế và giao dịch quốc tế. 2. Luật Thủ đô là đạo luật đặc thù, xác định địa vị pháp lý của Thủ đô với các thẩm quyền vượt trội để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Nguyên tắc áp dụng Luật: 2.1. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Thủ đô và luật, nghị quyết khác của Quốc hội về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của Luật Thủ đô. 2.2. Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội ban hành sau ngày Luật Thủ đô có hiệu lực thi hành có quy định khác với quy định của Luật Thủ đô về cùng một vấn đề mà việc áp dụng quy định đó cần thiết cho việc xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô thì Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định việc áp dụng. 2.3. Văn bản quy định chi tiết, văn bản được giao thẩm quyền ban hành để thi hành Luật Thủ đô được ưu tiên áp dụng trên địa bàn Thủ đô, được quyền quy định khác với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên.
Nhóm 2: Thẩm quyền của Thủ đô (Về tổ chức bộ máy, xây dựng pháp luật, về tài chính, đầu tư,	3. Thẩm quyền về tổ chức bộ máy chính quyền: Thành phố chủ động quyết định bộ máy, biên chế các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị ở các cấp chính quyền; cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, chế độ tiền lương, thu nhập, tiền thưởng; 4. Thẩm quyền xây dựng thể chế: 4.1. Giao thẩm quyền cho Thủ đô xây dựng, trình nghị quyết của Quốc hội;

Nhóm nội dung	Cơ chế, chính sách cụ thể
đất đai,...)	4.2. Giao thẩm quyền cho Thành phố được chủ động thí điểm cơ chế, chính sách khác luật, nghị quyết của Quốc hội hoặc chưa được pháp luật quy định (như: <i>Thí điểm cơ chế cấp trưởng chủ động lựa chọn, bổ nhiệm cấp phó, tuyển dụng, đánh giá công chức thuộc phạm vi quản lý; Thí điểm cơ chế khoán chi ngân sách theo kết quả, sản phẩm đầu ra, nhiệm vụ chuyển đổi số của chính quyền;</i>...) 4.3. Giao thẩm quyền cho chính quyền Thành phố quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật, nghị quyết của Quốc hội khác với quy định của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong một số lĩnh vực và có phạm vi áp dụng tại Thủ đô như: trật tự, an toàn đô thị, xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khác trong quản lý kinh tế - xã hội...để nâng cao sự chủ động, sáng tạo, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý nhà nước, phát triển kinh tế xã hội Thủ đô, tăng khả năng phản ứng chính sách, pháp luật. 5. Thẩm quyền về tài chính ngân sách: 5.1. Tăng tỷ lệ phân bổ ngân sách cho Thủ đô; bổ sung một số khoản thu Thủ đô được hưởng (thuế, phí,...) để bảo đảm Thủ đô có nguồn lực tài chính tương xứng với vai trò, vị thế và nhiệm vụ đặc thù. 5.2. Được chủ động huy động các nguồn vốn vay, phát hành trái phiếu chính quyền địa phương ra nước ngoài, vay của các tổ chức tín dụng... 5.3. Thành phố được chủ động lập các quỹ tài chính ngoài ngân sách và quy định về mô hình tổ chức, hoạt động, quản lý, vận hành, cơ chế tài chính các quỹ để huy động nguồn lực đầu tư trong các lĩnh vực khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, văn hóa, thể thao, giáo dục đào tạo.... 5.4. Chủ động trong quyết định cơ cấu chi ngân sách, sử dụng các nguồn thuộc quỹ ngân sách Thành phố¹. Chủ động chi đầu tư sang địa phương khác của vùng Thủ đô hoặc hỗ trợ địa phương khác. 6. Thẩm quyền về đầu tư: 6.1. Giao thẩm quyền toàn diện về đầu tư cho Thành phố theo hướng không bị giới hạn (quy mô vốn, quy mô sử dụng đất, quy mô di dân tái định cư) khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án sử dụng ngân sách địa phương²; 6.2. Thành phố được quyết định hình thức lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu, lập dự án bồi thường, giải phóng

¹ Kế thừa một số nội dung của Nghị quyết số 258/2025/QH15.

² Kế thừa một số nội dung của Nghị quyết số 258/2025/QH15.

Nhóm nội dung	Cơ chế, chính sách cụ thể
	mặt bằng độc lập đối với dự án lớn, quan trọng, các dự án cần đầu tư ngay, dự án cấp bách về xử lý ô nhiễm môi trường, ùn tắc giao thông, trật tự đô thị, cải tạo, chỉnh trang tái thiết đô thị³, dự án trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; 6.3. Quyết định về các trường hợp được thực hiện đầu tư công khẩn cấp, xây dựng công trình khẩn cấp. 7. Thẩm quyền quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công, công trình, hạ tầng công: Thành phố được ban hành cơ chế, chính sách liên quan đến xã hội hóa, hợp tác công - tư trong quản lý, vận hành, khai thác tài sản công, công trình hạ tầng; quy định cơ chế đấu giá bán, cho thuê tài sản công. 8. Thẩm quyền về quản lý, sử dụng tài nguyên, đất đai: Quyết định chính sách về bảo vệ, sử dụng, phát triển tài nguyên rừng, tài nguyên nước, tài nguyên khác; Quyết định tỷ lệ, chỉ tiêu, cơ cấu sử dụng đất, việc chuyển đổi cơ cấu đất nông nghiệp và đất khác; biện pháp tái điều chỉnh đất đai⁴; biện pháp bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; giao đất, cho thuê đất. 9. Thẩm quyền về quy hoạch: Thành phố có thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng thể Thủ đô, quy hoạch khác trên địa bàn Thủ đô. Quyết định chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc phù hợp với đặc điểm của Thủ đô. 10. Được quyết định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế; ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn riêng áp dụng trên địa bàn (<i>thay các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia</i>); được ban hành định mức, chế độ chi ngân sách, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá, giá dịch vụ áp dụng cho Thủ đô khác quy định, hoặc chưa có trong quy định của trung ương.
Nhóm 3: Xây dựng, phát triển, quản trị, bảo vệ Thủ đô	11. Có thẩm quyền quyết định mô hình quản trị tiên tiến dựa trên dữ liệu, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo; có thẩm quyền chủ động cắt giảm, đơn giản hóa quy trình, hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm thủ tục, trình tự, hồ sơ do cơ quan trung ương ban hành); chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm trong một số lĩnh vực (trừ lĩnh vực an ninh, trật tự, sức khỏe cộng đồng, môi trường...); Xây dựng, phát triển trung tâm dữ liệu AI của Thủ đô, AI ngôn ngữ Việt; quy định quyền/ngĩa vụ chia sẻ dữ liệu ẩn danh/chưa ẩn danh phục vụ quản lý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

³ Kế thừa một số nội dung của Nghị quyết số 258/2025/QH15.

⁴ Sắp xếp lại ranh giới, diện tích, mục đích sử dụng đất (Land readjustment)

Nhóm nội dung	Cơ chế, chính sách cụ thể
	12. Chính sách về phát triển nguồn nhân lực (đào tạo, tuyển dụng, bổ nhiệm nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực công; thu hút, hỗ trợ phát triển nguồn nhân chất lượng cao khu vực tư nhân... trong các lĩnh vực). 13. Lập Quy hoạch tổng thể Thủ đô có thời kỳ quy hoạch dài hạn, ổn định, tầm nhìn đến 100 năm, cụ thể hóa quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, tích hợp và thay cho Quy hoạch Thủ đô và Điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô hiện hành. Quy hoạch các địa phương trong vùng Thủ đô phải phù hợp, kết nối với quy hoạch tổng thể Thủ đô. Được lập đồng thời quy hoạch, các quy hoạch của Thủ đô được sử dụng để cập nhật vào quy hoạch ngành Quốc gia, quy hoạch Vùng; Giao Thành phố phê duyệt và quyết định về quy trình, thủ tục lập, điều chỉnh các quy hoạch.⁵; Thành phố được chủ động quy định các chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc phù hợp với mục tiêu phát triển. Quy hoạch các địa phương trong vùng phải phù hợp, kết nối với quy hoạch tổng thể Thủ đô. Khi lập, điều chỉnh quy hoạch các tỉnh, Thành phố cần xin ý kiến của địa phương khác trong Vùng. 14. Giao thẩm quyền cho Thành phố quyết định đối tượng, biện pháp, lộ trình di dời các cơ sở không phù hợp với quy hoạch (bao gồm các cơ sở hoạt động sự nghiệp do cơ quan trung ương quản lý, trụ trụ sở cơ quan nhà nước ở trung ương); quy định việc di dời các di tích, di sản để bảo đảm thực hiện quy hoạch. 15. Quy định về quy hoạch, quản lý, đầu tư, khai thác không gian ngầm, không gian tầm thấp, bảo đảm yếu tố an ninh, quốc phòng, môi trường...; Chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đầu tư phát triển công trình ngầm, khai thác không gian tầm thấp. 16. Thành phố được ban hành chính sách đặc thù để cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị (gồm xây dựng lại chung cư cũ) về các vấn đề: quy hoạch khu vực đô thị cần cải tạo, chỉnh trang, tái thiết; được tăng chỉ tiêu quy hoạch, dân cư và cập nhật vào quy hoạch cấp trên; biện pháp di dời, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái điều chỉnh đất đai⁶ trên cơ sở bảo đảm hài hòa lợi ích của người dân, nhà nước, doanh nghiệp; biện pháp về đầu tư (lập, phê duyệt dự án, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư), giao đất, cho thuê đất và triển khai dự án; cơ chế huy động vốn cho dự án bằng các hình thức PPP, BT và vay vốn tín dụng.⁷

⁵ Kế thừa quy định của Nghị quyết số 258/2025/QH15.

⁶ Sắp xếp lại ranh giới, diện tích, mục đích sử dụng (Land readjustment)

⁷ Kế thừa một số nội dung của Nghị quyết số 258/2025/QH15

Nhóm nội dung	Cơ chế, chính sách cụ thể
	17. Cơ chế, chính sách về phát triển đô thị xanh, đô thị thông minh, pháp lý hóa dữ liệu cảm biến/ảnh/IoT để phục vụ quản lý⁸. Kế thừa, bổ sung quy định về phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng, kế thừa nội dung quy định phù hợp tại Nghị quyết số 188/2025/QH15, Luật Đường sắt. 18. Cơ chế chính sách phát triển nhà ở xã hội: Thành phố quy định đối tượng được hưởng chính sách mua nhà ở xã hội; chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất; hỗ trợ đầu tư hạ tầng khung; chính sách chuyển đổi linh hoạt mục đích sử dụng giữa các quỹ nhà xã hội, nhà công vụ, nhà ở tái định cư, nhà ở thương mại; chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ đối với dự án phát triển nhà ở, nhà lưu trú bố trí cho người lao động làm việc tại khu công nghệ cao, khu công nghiệp; chính sách hỗ trợ về nhà ở đối với cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố. 19. Thành phố được ban hành chính sách phát triển giao thông: 19.1. Khuyến khích, phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình bảo đảm an toàn giao thông, chống ùn tắc giao thông. 19.2. Khuyến khích đầu tư phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn; nhà ga, bến xe, bãi đỗ xe ô tô; 19.3. Quy định khai thác đường đô thị và đường sắt đô thị. 20. Về bảo vệ môi trường: 20.1. Kế thừa, bổ sung các quy định về vùng phát thải thấp, tín chỉ carbon; cơ chế khuyến khích sử dụng các phương tiện giao thông phát thải thấp, chuyển đổi phương tiện giao thông sang sử dụng năng lượng sạch; biện pháp hạn chế sử dụng phương tiện giao thông phát thải gây ô nhiễm môi trường; hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng giao thông sử dụng năng lượng sạch; 20.2. Bổ sung mới biện pháp chuyển đổi xanh – giảm phát thải, xử lý ô nhiễm không khí, nguồn nước; tái cơ cấu, di dời cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường; 20.3. Chính sách về môi trường vùng Thủ đô: Hạ công suất, di dời cơ sở sản xuất ô nhiễm, biện pháp kiểm soát ô nhiễm (tiêu chuẩn phát thải khắt khe, yêu cầu quan trắc và chia sẻ dữ liệu môi trường với cơ sở công

⁸ Digital twin/IOC là hệ thống thông tin quản lý nhà nước; dữ liệu cảm biến/ảnh/IoT đủ điều kiện có thể dùng làm căn cứ phát hiện, cảnh báo, xử lý (kèm điều kiện chứng cứ số, lưu vết, kiểm định).

Nhóm nội dung	Cơ chế, chính sách cụ thể
	ngiệp, năng lượng); Điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch phát triển đối với cơ sở công nghiệp ở các khu vực nhạy cảm về môi trường. 21. Phát triển khoa học công nghệ và công nghệ cao: 21.1. Giao quyền cho thành phố chủ động quyết định các chính sách phát triển KHCN, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ phát triển các thiết chế đổi mới sáng tạo, sàn giao dịch công nghệ, đầu tư mạo hiểm, hỗ trợ hình thành thị trường công nghệ, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học trên cơ sở kế thừa, phát triển quy định của Luật Thủ đô năm 2024, Luật Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo. Mở rộng cơ chế mua sắm, đầu tư công nghệ, nền tảng lõi về công nghệ số (cloud, SOC, dữ liệu, IOC...) theo cơ chế thuê dịch vụ, linh hoạt theo kết quả đầu ra. 21.2. Mở rộng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát: cơ chế sử dụng dữ liệu công, hạ tầng công, ưu tiên mua sắm công, miễn trừ sau sandbox. Được ban hành quy định về tài sản số và định giá dữ liệu. 21.3. Phát triển đô thị giáo dục đào tạo, CNC Hòa Lạc có tính chất là đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, với các cơ chế, chính sách thuận lợi, thông thoáng về thu hút, ưu đãi đầu tư, sử dụng đất, sở hữu tài sản, chính sách thuế, cư trú. 21.4. Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương đầu tư xây dựng phát triển cho các hạ tầng KHCN, di dời các cơ sở nghiên cứu, đào tạo công nghệ hiện có tại đô thị trung tâm về khu CNC Hòa Lạc. 21.5. Chính sách vượt trội thu hút các trung tâm nghiên cứu phát triển (R&D), phòng thí nghiệm của các tập đoàn toàn cầu (theo đề xuất của nhà đầu tư tại dự án cụ thể) 22. Về văn hóa – xã hội: 22.1. Được chủ động quyết định các chính sách đầu tư, phát triển, cơ chế quản lý, xã hội hóa, hợp tác công-tư trong các lĩnh vực giáo dục, văn hóa, y tế, an sinh xã hội...; Giao thẩm quyền cho Thành phố quyết định việc quản lý, cấp phép trong các lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, giáo dục, đào tạo trên địa bàn Thành phố. 22.2. Thành phố chủ trì thành lập các khu phức hợp y tế chuyên sâu, cơ sở y tế, cơ sở kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm chuẩn, kiểm soát bệnh tật cấp vùng. 22.3. Giao Thành phố quyết định thành lập, cho phép thành lập đối với viện nghiên cứu, trường đại học (bao gồm cả trường hợp có vốn đầu tư nước ngoài, liên kết đào tạo với cơ sở nước ngoài); quyết định thành lập

Nhóm nội dung	Cơ chế, chính sách cụ thể
	trường cao đẳng công lập; cho phép thành lập trường cao đẳng tư thục, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn Thành phố. 22.4. Quyết định mô hình, tổ chức văn hóa, giáo dục, y tế mới: Khu phát triển thương mại văn hóa, trung tâm công nghiệp văn hóa, cơ sở giáo dục chất lượng cao, kinh tế thể thao, kinh tế ban đêm, kinh tế bạc (<i>sản phẩm dịch vụ, tài chính (bảo hiểm, tín dụng), lao động cho người cao tuổi</i>)...; được ban hành chính sách quản lý, đầu tư, phát triển, kinh doanh thị trường sản phẩm số về văn hóa, thị trường game, e-sport, ... 23. Thành lập trung tâm tài chính quốc tế, khu thương mại tự do: được thành lập, áp dụng cơ chế, chính sách về trung tâm tài chính quốc tế theo quy định của Quốc hội; quy định về khu thương mại tự do do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định. 24. Cơ chế thu hút các nhà đầu tư lớn, nhà đầu tư chiến lược trong việc phát triển hạ tầng lớn về giao thông, thoát nước, xử lý ô nhiễm môi trường, phát triển đô thị thông minh, các lĩnh vực công nghệ cao, chuyển đổi số, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, chuyển đổi xanh,... với cơ chế thông thoáng trong lựa chọn nhà đầu tư, phê duyệt, thực hiện dự án, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, giao đất, cho thuê đất (<i>trương tự cơ chế đầu tư đặc biệt theo Luật Đầu tư</i>) 25. Ưu đãi đầu tư: Ưu đãi giao đất, cho thuê đất, miễn, giảm tiền sử dụng đất, thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân trong các lĩnh vực, ưu đãi trong lĩnh vực xuất nhập khẩu,... 26. Quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp đặc thù về bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, áp dụng biện pháp hành chính cấp bách phù hợp với tính chất Thủ đô. Áp dụng biện pháp quản lý chặt chẽ tại các khu vực trọng điểm chính trị, hành chính, ngoại giao và sự kiện lớn để bảo đảm hiệu lực quản lý đô thị, an toàn cộng đồng và trật tự xã hội; bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu giữ vững an ninh với bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
Nhóm 4: Vùng Thủ đô (<i>Xây dựng, phát triển, quản trị, bảo vệ vùng Thủ đô</i>)	27. Định hình lại Vùng Thủ đô, cơ chế liên kết phát triển Vùng Thủ đô, vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng trung du và miền núi phía Bắc với Hà Nội là hạt nhân, trung tâm phát triển vùng. Liên kết phát triển thực chất, rõ ràng theo lĩnh vực, chuỗi sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực kinh tế - xã hội: nông nghiệp, logistic, khoa học và công nghệ, giáo dục đào tạo, y tế, lao động, văn hóa, du lịch.... 28. Cơ chế phối hợp đầu tư hạ tầng chung của vùng (<i>giao thông, cấp nước sạch, thoát nước, xử lý chất thải,</i>

Nhóm nội dung	Cơ chế, chính sách cụ thể
	...), trách nhiệm, biện pháp về quản lý, duy trì, khai thác hạ tầng. 29. Quy định một số nội dung: - Việc hợp vốn do các địa phương chủ động, dự án thuộc địa bàn từ 02 tỉnh trở lên do địa phương quyết định và thỏa thuận 01 chính quyền làm chủ dự án theo cơ chế đặc thù trong lập, thẩm định, phê duyệt dự án liên kết đầu tư hạ tầng với các địa phương trong vùng phù hợp với quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch các địa phương theo hướng giao cho các địa phương thỏa thuận về nguồn vốn, việc phê duyệt, chủ dự án. - Các địa phương trong vùng Thủ đô được sử dụng ngân sách thực hiện dự án đầu tư công, PPP tại địa phương khác trong vùng. 30. Cơ chế phối hợp xử lý ô nhiễm môi trường (không khí, nguồn nước,...), bảo vệ môi trường bền vững, kiểm soát an toàn thực phẩm. 31. Thành lập Ủy ban điều phối phát triển vùng Thủ đô; Thành lập "<i>Quỹ phát triển Vùng Thủ đô</i>" từ nguồn ngân sách các tỉnh, thành phố trong Vùng và các nguồn hợp pháp khác để đầu tư, phát triển các dự án liên kết vùng, ưu tiên các dự án về giao thông, hạ tầng quan trọng khác, dự án xử lý ô nhiễm môi trường.